

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 260/QĐ- VKSTN

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai giao dự toán chi thường xuyên
NSNN năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-VKSTN ngày 23/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu giao dự toán chi khắc phục hậu quả sau bão lũ năm 2025 cho Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên (có biểu đính kèm).

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề t/h);
- Niêm yết công khai tại trụ sở;
- Công nghệ thông tin; (đề công khai trên web);
- Lưu: KT,VT.


VIỆN TRƯỞNG
Lý Văn Huân

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9

Đơn vị: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Chương: 004

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025**

(Quyết định số 260/QĐ- VKSTN ngày 23/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Văn phòng VKSND tỉnh Thái Nguyên
1	2	3	4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	497.000.000	497.000.000	497.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	497.000.000	497.000.000	497.000.000
1	Chi quản lý hành chính	497.000.000	497.000.000	497.000.000
1,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	497.000.000	497.000.000	497.000.000
1,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			

2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chỉ bảo đảm xã hội			
6	Chỉ hoạt động kinh tế			
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao			

MISA Mimosa.NET 2020

